TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH BÌNH PHƯỚC**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 73/2024/DS-PT
Ngày 22-4-2024
V/v "Hủy hợp đồng ủy quyền, kiện đòi tài sản và tranh chấp hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH PHƯỚC

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Thanh Thảo
Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Văn Thư
Ông Trần Văn Nhum
Thư ký phiên tòa: Bà Bùi Thị Duyến – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Phước: Ông Lê Văn Quang - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 15/4 và ngày 22 tháng 4 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự phúc thẩm thụ lý số 239/2023/TLPT-DS ngày 15 tháng 11 năm 2023 về việc: "*Hủy hợp đồng ủy quyền, kiện đòi tài sản và tranh chấp hợp đồng vay tài sản*". Do Bản án dân sự sơ thẩm số 57/2023/DS-ST ngày 30 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân thị xã C, tỉnh Bình Phước bị kháng cáo. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 235/2023/QĐXXPT-DS ngày 15 tháng 12 năm 2023, giữa:

**Nguyên đơn:* Ông Nguyễn Thanh V, sinh năm 1971; Địa chỉ cư trú: Tổ F, ấp S, xã P, huyện H, tỉnh Bình Phước.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Bà Nguyễn Ngọc Diễm H, sinh năm 1965; Địa chỉ cư trú: Tổ E, ấp X, xã T, huyện H, tỉnh Bình Phước.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn: Ông Đoàn Trọng N, sinh năm 1979 – Luật sư, Văn phòng L2, thuộc Đoàn Luật sư Thành phố H; địa chỉ: Số I đường số B, phường C, Quận G, Thành phố Hồ Chí Minh.

**Bị đơn:* Bà Lê Thị T, sinh năm 1990; Địa chỉ cư trú: Tổ B, khu phố E, phường M, thị xã C, tỉnh Bình Phước.

Đại diện theo ủy quyền của bị đơn: Ông Đinh Ngọc H1, sinh năm 1981; Địa chỉ cư trú: Tổ I, khu phố B, phường H, thị xã C, tỉnh Bình Phước.

**Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Ông Đinh Ngọc H1, sinh năm 1981; trú tại: Tổ I, khu phố B, phường H, thị xã C, tỉnh Bình Phước.

2. Ông Dương Minh L, sinh năm 1984; trú tại: tổ A, khu phố G, phường H, thị xã C, tỉnh Bình Phước.

** Người kháng cáo*: Bị đơn bà Lê Thị T và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Đinh Ngọc H1.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn và đại diện ủy quyền của nguyên đơn bà Nguyễn Ngọc Diễm H thống nhất trình bày:

Ông Nguyễn Thanh V cho bà Lê Thị T vay số tiền 1.300.000.000 đồng (Một tỷ ba trăm triệu đồng) vào ngày 27/01/2022, thời hạn vay 06 tháng, lãi trả theo thỏa thuận, thực hiện giao tiền mặt tại VPCC B giao tiền một lần. Khi giao tiền có làm giấy vay tiền giữa ông Nguyễn Thanh V và bà Lê Thị T. Ông V giao tiền trực tiếp cho bà T. Khi giao tiền thì bà T có thế chấp cho ông V một giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (GCNQSDĐ) mang tên bà T, việc thế chấp có làm hợp đồng ủy quyền có công chứng. Chứng cứ thể hiện nội dung ông V trình bày là một hợp đồng; giấy vay tiền và hợp đồng ủy quyền kèm giấy CNQSDĐ mang tên bà Lê Thị T.

Nay ông V yêu cầu Toà án giải quyết những nội dung cụ thể như sau: Chấm dứt hợp đồng ủy quyền số công chứng 1025 quyển số 01/2022 TP/CC SCC/HĐGD ngày 27/01/2022 ký kết giữa bà Lê Thị T với ông Nguyễn Thanh V tại Văn phòng C.

Ông Nguyễn Thanh V yêu cầu bà Lê Thị T trả số tiền nợ gốc là 1.300.000.000 đồng (Một tỷ ba trăm triệu đồng) và tiền lãi tạm tính từ ngày 27/02/2022 đến ngày 13/9/2022 là 57.210.000 đồng (Năm mươi bảy triệu hai trăm mười nghìn đồng) và trả tiếp tiền lãi đến khi trả hết nợ.

Ông Nguyễn Thanh V hoàn trả lại giấy CNQSDĐ số DC 952751, số vào sổ CS 16086 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh B cấp ngày 21/01/2022 cho bà Lê Thị T khi đã nhận đủ tiền.

Đối với ý kiến của ông H1, ông L về việc ông L là người vay tiền của ông V là tôi không đồng ý mà người vay tiền trực tiếp của ông V là bà T và số tiền vay là 1.300.000.000 đồng (Một tỷ ba trăm triệu đồng).

Bị đơn bà Lê Thị T, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Đinh Ngọc H1 trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên toà đại diện theo uỷ quyền của bà T là ông Đinh Ngọc H1 trình bày:

Vợ chồng bà T, ông H1 không có quan hệ quen biết ông V, không vay tiền ông V. Ông V cho rằng bà T nhận 1.300.000.000 đồng (Một tỷ ba trăm triệu đồng) và nhận 01 lần tại Văn phòng C là không có. Vợ chồng bà T, ông H1 không gặp và nhận tiền như ông V trình bày. Chứng cứ giấy vay tiền và hợp đồng ủy quyền kèm giấy CNQSDĐ mang tên bà Lê Thị T mà ông V cung cấp cho Tòa án thì giấy tờ này được bà T ký vào ngày 27/01/2022. Lý do có việc ký

giấy giữa bà T và ông V là ông L là người nhờ mượn sổ đỏ nên ông H1 có yêu cầu bà T cho ông L mượn sổ để vay tiền nhưng vợ chồng bà T, ông H1 có cho mượn và cũng không biết là vay ai và không biết vay số tiền bao nhiêu, thời hạn trả khoảng mấy tháng. Việc vay mượn tiền của ông Nguyễn Thanh V thì ông Dương Minh L là người trực tiếp đứng ra vay tiền và trả lãi. Việc thỏa thuận giao dịch vay tiền chỉ ông L và ông V trao đổi với nhau; bà T chỉ thực hiện việc ký hợp đồng ủy quyền và giấy vay tiền theo sự đề nghị của ông V và ông L.

Tại phiên tòa, đại diện theo ủy quyền của bị đơn là ông H1 xác định chữ viết ghi trong giấy vay tiền ngày 27/01/2021 là ông Hoàng g và bà T khi ký hợp đồng ủy quyền xong thì có đưa cho ông V 01 giấy CNQSDĐ cho ông V. Mục đích viết giấy chỉ để làm tin cho khoản tiền 1.300.000.000 đồng (Một tỷ ba trăm triệu đồng) mà ông L vay tiền của ông V.

Bà Lê Thị T yêu cầu hủy hợp đồng vay ngày 27/01/2021 với ông Nguyễn Thanh V và hủy hợp đồng ủy quyền số 1025, quyển sổ 01/2022 TP/CC-SCC/HĐGD ngày 27/01/2022 ký kết giữa bà Lê Thị T với ông Nguyễn Thanh V tại phòng C1.

Buộc ông Nguyễn Thanh V trả cho bà Lê Thị T 01 giấy CNQSDĐ số DC 952751, sổ vào sổ CS 16086 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh B cấp ngày 21/01/2022 cho bà Lê Thị T.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Dương Thanh L1 trình bày:

Ông L1 là người vay tiền của ông Nguyễn Thanh V là 1.300.000.000 đồng (Một tỷ ba trăm triệu đồng), tiền lãi ông L1 là người trực tiếp đóng cho ông V từ ngày 27/02/2022 đến ngày 13/9/2022 là 57.210.000 đồng (Năm mươi bảy triệu hai trăm mười nghìn đồng). Do đó, trước yêu cầu của ông V khởi kiện bà T trả nợ vay là không đúng. Ông L1 đồng ý trả nợ vay cho ông V là 1.300.000.000 đồng (Một tỷ ba trăm triệu đồng).

Tại phiên tòa, ông L1 xác định nếu không có giấy vay tiền, hợp đồng ủy quyền của bà T về quyền sử dụng đất thì ông V chỉ cho ông L1 vay số tiền 500.000.000 đồng (Năm trăm triệu đồng) nhưng do bà T ký vay tiền và làm hợp đồng ủy quyền để thế chấp giấy CNQSDĐ thì ông V mới cho vay 1.300.000.000 đồng (Một tỷ ba trăm triệu đồng).

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 57/2023/DS-ST ngày 30 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân thị xã Chơn Thành, tỉnh Bình Phước đã quyết định:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Thanh V.
2. Chấp nhận một phần yêu cầu phản tố của bị đơn bà Lê Thị T.

3. Ghi nhận sự thỏa thuận của các đương sự: Hủy hợp đồng ủy quyền số 1025, quyển sổ 01/2022 TP/CC-SCC/HĐGD ngày 27/01/2022 ký kết giữa bà Lê Thị T với ông Nguyễn Thanh V tại Văn phòng C đối với thửa đất số 90, tờ bản đồ số 28, diện tích 220,6m^2 địa chỉ ấp H, thị trấn C, huyện C (nay khu phố H, phường H, thị xã C), tỉnh Bình Phước, đất đã được cấp giấy CNQSDĐ số DC

952751, sổ vào sổ CS 16086, do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh B cấp ngày 21/01/2022 cho bà Lê Thị T.

4. Buộc bà Lê Thị T trả cho ông Nguyễn Thanh V số tiền 1.597.010.050 đồng (Một tỷ năm trăm chín mươi bảy triệu không trăm mười nghìn không trăm năm mươi đồng). Trong đó số tiền vay gốc là 1.300.000.000 đồng (Một tỷ ba trăm triệu đồng) và tiền lãi là 297.010.050 đồng (Hai trăm chín mươi bảy triệu không trăm mười nghìn không trăm năm mươi đồng).

Kể từ ngày án có hiệu lực, có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến thi hành xong tất cả các khoản tiền. Hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

5. Khi bà Lê Thị T thực hiện xong nghĩa vụ cho ông Nguyễn Thanh V hết số tiền nợ gốc và lãi chậm trả thì ông Nguyễn Thanh V có trách nhiệm trả lại cho bà Lê Thị T 01 giấy CNQSDĐ số DC 952751, sổ vào sổ CS 16086 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh B cấp ngày 21/01/2022 cho bà Lê Thị T.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về phần án phí, nghĩa vụ thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự theo luật định.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 13/10/2023 bị đơn bà Lê Thị T có đơn kháng cáo đề nghị Toà án cấp phúc thẩm xét xử theo hướng không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Thanh V về việc buộc bà T phải trả cho ông V số tiền 1.300.000.000 đồng (Một tỷ ba trăm triệu đồng) và lãi suất phát sinh; chấp nhận yêu cầu phản tố của bà Lê Thị T buộc ông V phải trả cho bà T Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số DC 952751, sổ vào sổ CS 16086 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh B cấp ngày 21/01/2022 cho bà Lê Thị T.

Ngày 13/10/2023 người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Đinh Ngọc H1 có đơn kháng cáo đề nghị Toà án cấp phúc thẩm xét xử theo hướng không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Thanh V về việc buộc bà T phải trả cho ông V số tiền 1.300.000.000 đồng (Một tỷ ba trăm triệu đồng) và lãi suất phát sinh; chấp nhận yêu cầu phản tố của bà Lê Thị T buộc ông V phải trả cho bà T Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số DC 952751, số vào sổ CS 16086 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh B cấp ngày 21/01/2022 cho bà Lê Thị T.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Người đại diện theo uỷ quyền của bị đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Đinh Ngọc H1 xin rút một phần kháng cáo đối với yêu cầu Toà án cấp phúc thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Thanh V về việc yêu cầu buộc bà Lê Thị T trả cho ông Nguyễn Thanh V số tiền 1.300.000.000 đồng (Một tỷ ba trăm triệu đồng) và lãi suất phát sinh.

Quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Phước:

- Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa, kể từ khi thụ lý vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán và Hội đồng xét xử tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về hướng giải quyết vụ án: Đề nghị HĐXX căn cứ vào khoản 2 Điều 308 của BLTTDS; chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn bà Lê Thị T; Đình chỉ xét xử phúc thẩm một phần yêu cầu kháng cáo của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Đinh Ngọc H1 đối với yêu cầu Toà án cấp phúc thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Thanh V về việc yêu cầu buộc bà Lê Thị T trả cho ông Nguyễn Thanh V số tiền 1.300.000.000 đồng (Một tỷ ba trăm triệu đồng) và lãi suất phát sinh; không chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Đinh Ngọc H1. Sửa bản án dân sự sơ thẩm theo hướng không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông V.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Kháng cáo của bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan thực hiện trong thời hạn luật định; đơn kháng cáo có nội dung và hình thức phù hợp với quy định tại các điều 271, 272 và 273 BLTTDS, nên được xem xét giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

[2] Xét nội dung kháng cáo của bị đơn, HĐXX thấy rằng:

Toà án cấp sơ thẩm căn cứ vào giấy vay tiền ngày 27/01/2022 và xác định bà Lê Thị T là người vay ông Nguyễn Thanh V số tiền 1.300.000.000 đồng (Một tỷ ba trăm triệu đồng) chứ không phải là ông L1 nên nghĩa vụ trả tiền cho ông V là trách nhiệm của bà T. Xét thấy, nhận định của Toà án cấp sơ thẩm là chưa toàn diện, khách quan, chưa xem xét đầy đủ các tài liệu chứng cứ do bị đơn cung cấp có trong hồ sơ vụ án. Mặc dù, theo nội dung giấy vay tiền ngày 27/01/2022 thể hiện chủ thể của hợp đồng bên cho vay (bên A) là ông Nguyễn Thanh V, bên vay (bên B) là bà Lê Thị T, số tiền vay là 1.300.000.000 đồng (Một tỷ ba trăm triệu đồng), thời gian vay từ ngày 27/01/2022 đến ngày 27/7/2022 và bên B cam kết trả nợ đồng thời có uỷ quyền cho bên A thửa đất số 90, tờ bản đồ số 28 đứng tên bà Lê Thị T. Nếu căn cứ vào hợp đồng này thì về nguyên tắc nghĩa vụ trả nợ cho ông V là bà T. Tuy nhiên, theo nội dung những bản ghi âm, đặc biệt là bản ghi âm ngày 30/7/2022 (có lập thành Vi bằng) nội dung thể hiện rõ các bên (ông V, ông H1, ông L1, ông T1, bà N1) đã thống nhất về phương án trả nợ, thời gian trả nợ. Theo đó người có nghĩa vụ trả nợ cho vợ chồng ông V là ông Dương Minh L chứ không phải bà T. Xét nội dung thống nhất trong bản ghi âm này bản chất là sự chuyển giao quyền và nghĩa vụ dân sự, các bên không ai bị ép buộc phù hợp với pháp luật theo quy định tại điều 370 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Hơn nữa, việc xác định ông L là người có nghĩa vụ trả nợ cho ông V là phù hợp với lẽ công bằng và đúng với sự thật như bà T, ông H1 trình bày là không nhận số tiền 1.300.000.000 đồng (*Một tỷ ba trăm triệu đồng*) của ông V

mà số tiền này do ông L vay nhận. Lời trình bày của phía bị đơn bà T không vay tiền của ông V là có cơ sở thể hiện qua các tài liệu chứng cứ sau đây:

+ Bà T có ký giấy tờ uỷ quyền với ông V chỉ để làm tin cho khoản tiền ông L vay nhằm mục đích để làm tin. Sự việc này cũng đã được ông V thừa nhận, cấp sơ thẩm nhận định trong bản án như sau *" Ông V, bà T đều xác định hợp đồng ủy quyền này là ký để làm tin đảm bảo khoản tiền vay chứ không có việc ký ủy quyền toàn quyền về sử dụng thửa đất như trong nội dung hợp đồng ủy quyền. Căn cứ Điều 124 Bộ luật Dân sự đây là giao dịch dân sự giả tạo nhằm thực hiện cho việc vay tài sản nên hợp đồng ủy quyền số 1025, quyển số 01/2022 TP/CC-SCC/HĐGD ngày 27/01/2022 ký kết giữa bà Lê Thị T với ông Nguyễn Thanh V tại phòng C1 giữa ông Nguyễn Thanh V và bà Lê Thị T là vô hiệu".*

+ Theo đơn khởi kiện và bản tự khai của ông V trình bày giữa ông và bà T là chỗ quen biết tin tưởng nên cho bà T vay; ông còn cho rằng bà T nhiều lần trả lãi…Tuy nhiên, tại phiên toà phúc thẩm ông V thừa nhận trước khi cho vay thì ông hoàn toàn không quen biết gì bà T và ông H1 mà chỉ biết ông L thông qua Nguyễn Thành T2 (là con của ông V). Vì ông T2 là chỗ bạn bè thân thiết với ông L và trước đây ông V cũng đã cho ông L vay tiền nhiều lần, ông L cũng trả xong.

+ Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Dương Thanh L1 khẳng định chính ông là người vay tiền của ông V; tiền lãi do ông L1 là người trả cho ông V từ ngày 27/02/2022 đến ngày 13/9/2022 là 57.210.000 đồng. Hình thức trả tiền lãi có khi trả nhờ qua tài khoản của ông T2. Lời trình bày này hoàn toàn phù hợp với lời khai của ông T2, ông V và phù hợp với tài liệu sao kê của Ngân hàng. Ông L1 đồng ý trả nợ vay cho ông V là 1.300.000.000 đồng (*Một tỷ ba trăm triệu đồng*) và cho rằng ông V khởi kiện yêu cầu bà T trả nợ là không đúng với sự thật.

Từ những phân tích trên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn bà Lê Thị T; Cụ thể như sau: Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Thanh V về việc yêu cầu buộc bà Lê Thị T trả cho ông Nguyễn Thanh V số tiền 1.597.010.050 đồng (*Một tỷ năm trăm chín mươi bảy triệu không trăm mười nghìn không trăm năm mươi đồng)*. Chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn bà Lê Thị T; buộc ông Nguyễn Thanh V phải trả lại cho bà Lê Thị T 01 giấy CNQSDĐ số DC 952751, vào sổ CS 16086 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh B cấp ngày 21/01/2022 cho bà Lê Thị T.

[3] Xét nội dung kháng cáo của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Đinh Ngọc H1, HĐXX thấy rằng: ông Đinh Ngọc H1 có 02 yêu cầu kháng cáo, cụ thể:

+ Yêu cầu Toà án cấp phúc thẩm xem xét không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Thanh V về việc yêu cầu buộc bà Lê Thị T trả cho ông Nguyễn Thanh V số tiền 1.300.000.000 đồng (Một tỷ ba trăm triệu đồng) và lãi suất phát sinh.

+ Yêu cầu Toà án cấp phúc thẩm xem xét chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn bà Lê Thị T buộc ông Nguyễn Thanh V phải trả lại cho bà Lê Thị T 01 giấy CNQSDĐ số DC 952751, vào sổ CS 16086 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh B cấp ngày 21/01/2022 cho bà Lê Thị T.

Tại phiên toà ông H1 xin rút một phần kháng cáo yêu cầu Toà cấp phúc thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Thanh V về việc yêu cầu buộc bà Lê Thị T trả cho ông Nguyễn Thanh V số tiền 1.300.000.000 đồng (Một tỷ ba trăm triệu đồng) và lãi suất phát sinh. Vì vậy, cần đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với yêu cầu này.

Đối với kháng cáo yêu cầu Toà án cấp phúc thẩm xem xét chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn bà Lê Thị T buộc ông Nguyễn Thanh V phải trả lại cho bà Lê Thị T 01 giấy CNQSDĐ số DC 952751, vào sổ CS 16086 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh B cấp ngày 21/01/2022 cho bà Lê Thị T. Thấy rằng, đây là tài sản riêng của bà T được ông H1 xác định nên quyền và lợi ích của ông H1 không bị xâm phạm, ông H1 cũng không có yêu cầu độc lập nên kháng cáo của ông H1 không được chấp nhận.

Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử xét thấy cần sửa bản án dân sự sơ thẩm số 57/2023/DS-ST ngày 30 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân thị xã Chơn Thành, tỉnh Bình Phước.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn không được chấp nhận nên nguyên đơn phải chịu. Tuy nhiên, tại cấp sơ thẩm ông V có đơn xin giảm án phí nên Toà án cấp sơ thẩm căn cứ vào khoản 1 Điều 13 và Điều 14, 15 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án chấp nhận đơn yêu cầu của ông V. Do đó, ông V phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch, cụ thể như sau: Ông Nguyễn Thanh V phải chịu án phí dân sự có giá ngạch là 29.955.150 đồng (*Hai mươi chín triệu chín trăm năm mươi lăm nghìn một trăm năm mươi đồng)* và án phí không có giá ngạch là: 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) được khấu trừ vào tạm ứng án phí đã nộp là 13.179.075 đồng (*Mười ba triệu, một trăm bảy mươi chín nghìn, không trăm bảy mươi lăm đồng*) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí số 0011994 ngày 24/10/2022 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Chơn Thành, tỉnh Bình Phước. Ông Nguyễn Thanh V còn phải nộp số tiền 17.076.075 đồng (*Mười bảy triệu không trăm bảy mươi sáu nghìn không trăm bảy mươi lăm đồng*).

Bị đơn bà Lê Thị T không phải chịu. Hoàn trả cho bà T số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 600.000 đồng (*Sáu trăm nghìn đồng*) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí số 0012267 ngày 19/4/2023 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Chơn Thành, tỉnh Bình Phước.

[5] Về án phí dân sự phúc thẩm: Yêu cầu kháng cáo của bị đơn bà Lê Thị T được chấp nhận nên không phải chịu theo quy định của pháp luật.

Yêu cầu kháng cáo của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Đinh Ngọc H1 không được chấp nhận nên phải chịu theo quy định của pháp luật.

[6] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Phước tại phiên tòa phù hợp với quan điểm của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn bà Lê Thị T;

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Đinh Ngọc H1;

Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với yêu cầu Toà cấp phúc thẩm xem xét không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Thanh V về việc yêu cầu buộc bà Lê Thị T trả cho ông Nguyễn Thanh V số tiền 1.300.000.000 đồng (*Một tỷ ba trăm triệu đồng*) và lãi suất phát sinh.

Sửa Bản án dân sự sơ thẩm số 57/2023/DS-ST ngày 30 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân thị xã Chơn Thành, tỉnh Bình Phước.

Căn cứ vào khoản 3, 11 Điều 26; khoản 1 Điều 35, 39, 68, 70; khoản 1 Điều 92; Điều 144; Điều 147; Điều 227, 228, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; các Điều 124, 130, 131, 138, 154, 278, 280, 283, 292, 295, 317, 318, 322, 351, 357, 401, 408, 423, 427, 429, 463, 468, 469 và điều 370 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Khoản 1 Điều 13 và Điều 14, 15, 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Thanh V về việc yêu cầu buộc bà Lê Thị T trả cho ông Nguyễn Thanh V số tiền 1.300.000.000 đồng (*Một tỷ ba trăm triệu đồng*) và lãi suất.

2. Chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn bà Lê Thị T. Buộc ông Nguyễn Thanh V phải trả lại cho bà Lê Thị T 01 giấy CNQSDĐ số DC 952751, vào sổ CS 16086 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh B cấp ngày 21/01/2022 cho bà Lê Thị T.

3. Ghi nhận sự thỏa thuận của các đương sự: Tuyên bố hợp đồng ủy quyền số 1025, quyển số 01/2022 TP/CC-SCC/HĐGD ngày 27/01/2022 ký kết giữa bà Lê Thị T với ông Nguyễn Thanh V tại phòng C1 đối với thửa đất số 90, tờ bản đồ số 28, diện tích 220,6m^2 địa chỉ ấp H, thị trấn C, huyện C (nay khu phố H, phường H, thị xã C), tỉnh Bình Phước, đất đã được cấp giấy CNQSDĐ số DC 952751, số vào sổ CS 16086, do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh B cấp ngày 21/01/2022 cho bà Lê Thị T vô hiệu.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Nguyễn Thanh V phải chịu án phí dân sự có giá ngạch là 29.955.150 đồng (*Hai mươi chín triệu chín trăm năm mươi lăm nghìn một trăm năm mươi đồng)* và án phí không có giá ngạch là: 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) được khấu trừ vào tạm ứng án phí đã nộp là 13.179.075 đồng (*Mười ba triệu, một trăm bảy mươi chín nghìn, không trăm bảy mươi lăm đồng*) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí số 0011994 ngày 24/10/2022 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã C, tỉnh Bình Phước. Ông Nguyễn Thanh V còn phải nộp số tiền 17.076.075 đồng (*Mười bảy triệu không trăm bảy mươi sáu nghìn không trăm bảy mươi lăm đồng*).

Bị đơn bà Lê Thị T không phải chịu. Hoàn trả cho bà T số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 600.000 đồng (*Sáu trăm nghìn đồng*) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí số 0012267 ngày 19/4/2023 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã C, tỉnh Bình Phước.

Trường hợp bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Bình Phước;
- TAND thị xã C;
-Chi cục THADS thị xã C;
- Đương sự;
- Lưu HS, TDS, HCTP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Bùi Thanh Thảo